

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NEW ERA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NEW ERA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEW ERA MANUFACTURE AND COMMERCE LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: NEW ERA COMPANY,. LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110673801

**3. Ngày thành lập:** 04/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

NV 32-05 Khu đô thị Lideco, Quốc lộ 32, Thị Trấn Tràm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0987688818

Fax:

Email: TNHHNEWERA@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                             | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                       | 4620     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                           | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                             | 4633     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                         | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                                          | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                              | 4659     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                      | 4663     |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                            | 4669     |
| 10. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                             | 8292     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Không bao gồm các hoạt động: dịch vụ báo cáo toà án, hoạt động đấu giá độc lập, dịch vụ lấy lại tài sản | 8299     |
| 12. | Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình                                                                                                                        | 9810     |
| 13. | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005)                                                                                 | 4690     |

|     |                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                           | 1391        |
| 15. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                            | 1399        |
| 16. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất tã, bỉm cho trẻ sơ sinh                                                                    | 1709(Chính) |
| 17. | In ấn                                                                                                                                                                             | 1811        |
| 18. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                          | 1812        |
| 19. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                          | 4782        |
| 20. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                               | 4784        |
| 21. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                        | 4789        |
| 22. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                         | 4791        |
| 23. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                    | 4799        |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                    | 4933        |
| 25. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                       | 5210        |
| 26. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                  | 5224        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                           | 5225        |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                               | 5229        |
| 29. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                         | 7729        |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                    | 7730        |
| 31. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                   | 4751        |
| 32. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4752        |
| 33. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                       | 4753        |
| 34. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh           | 4759        |
| 35. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                         | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THẢO DUNG    | Việt Nam  | Tổ 36, khu 4, Phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                    | 200.000.000           | 40,000    | 025198012318                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN DUY HIẾU | Việt Nam  | Số C1002 CT2 tòa nhà The Manor, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 300.000.000           | 60,000    | 020091000108                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN DUY HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/12/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 020091000108

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số C1002 CT2 tòa nhà The Manor, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: NV 32-05 Khu đô thị Lideco, Thị trấn Tràm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội